TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 14-11-2019.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum;

Ông Lại Văn Phê.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 651/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Hoài P, sinh năm 1996; Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 3, xã B Đ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1998; Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp L H, xã L H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Hoài P trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với mẹ anh tại ấp 3, xã B Đ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Từ khi chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh yêu cầu chị T chuyển về gần nhà anh làm nhưng chị T không đồng ý, ngoài ra từ khi cưới

chị T đã không cho anh động chạm vào người chị T. Chung sống được 01 tháng thì chị T bỏ về nhà cha mẹ vợ sống và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, anh và gia đình anh nhiều lần đến nhà cha mẹ vợ đón chị T về nhưng chị T không về. Tháng 4-2018, chị T nộp đơn ly hôn anh tại Toà án huyện Gò Dầu nhưng sau đó chị T rút đơn lại.

Nay anh yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đỗ Thị Hồng T trình bày:

Nhận thấy, chị T thừa nhận lời trình bày của anh P về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Theo chị nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do sau khi tổ chức lễ cưới tại nhà anh P xong thì mẹ anh P yêu cầu chị phải đưa vàng cho mẹ anh P bán trả nợ nhưng chị không đồng ý thì mẹ anh P chửi chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Từ khi chị về nhà cha mẹ chị, gia đình anh P đến kêu chị về nhưng chị không về thì gia đình P chửi chị và gia đình chị. Tháng 4-2018, chị nộp đơn ly hôn anh P tại Toà án huyện Gò Dầu, nhưng anh P năn nỉ chị xin đoàn tụ nên chị rút đơn. Nhưng từ sau khi chị rút đơn anh P không nói gì đến chị nữa.

Nay chị đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, hiện nay chị cũng không có mang thai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Hoài P yêu cầu được ly hôn chị Đỗ Thị Hồng T.

Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Hoài P và chị Đỗ Thị Hồng T vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị T chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh P trình bày là do chị T không đồng ý chuyển về gần nhà anh làm, không cho anh động chạm vào người chị T. Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ chồng yêu cầu chị đưa vàng trả nợ nhưng chị không đồng ý nên mẹ chồng chửi chị. Từ khi anh, chị ly thân đến nay, cả anh P và chị T đều không có thiện chí hàn gắn. Nay anh P yêu cầu ly hôn và chị T cũng đồng ý ly hôn nhưng cả anh P và chị T đều đề nghị vắng mặt không tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P và chị T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh P được ly hôn chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh P và chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Phạm Hoài P được ly hôn chị Đỗ Thị Hồng T.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Phạm Hoài P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017612 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; anh P đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho anh P, chị T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã L H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc